

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		825.572.502.644	517.108.808.636
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	287.480.535.181	153.714.090.879
1. Tiền	111		19.480.535.181	5.714.090.879
2. Các khoản tương đương tiền	112		268.000.000.000	148.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		123.971.469.818	134.448.582.350
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	173.445.925.506	172.625.181.038
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(49.474.455.688)	(38.176.598.688)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		282.958.903.737	139.884.304.150
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	67.420.159.662	21.390.124.820
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	199.798.843.421	98.655.042.690
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	16.000.190.644	19.945.535.973
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(260.289.990)	(106.399.333)
IV. Hàng tồn kho	140		108.134.656.402	73.054.459.157
1. Hàng tồn kho	141	V.8	108.134.656.402	73.054.459.157
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.9	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		23.026.937.506	16.007.372.100
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	21.386.853.057	14.432.579.813
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	1.640.084.449	1.574.792.287
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		293.409.269.979	393.983.675.928
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		17.278.813.249	13.369.627.502
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.12	17.278.813.249	13.369.627.502
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
II. Tài sản cố định		220		138.158.917.611	160.622.158.552
1. Tài sản cố định hữu hình		221	V.13	131.159.014.923	156.800.355.918
<i>Nguyên giá</i>		222		996.501.184.443	1.001.200.083.376
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		223		(865.342.169.520)	(844.399.727.458)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		224		-	-
<i>Nguyên giá</i>		225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình		227	V.14	1.987.424.479	2.801.124.796
<i>Nguyên giá</i>		228		6.192.349.921	6.437.349.921
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		229		(4.204.925.442)	(3.636.225.125)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		230	V.15	5.012.478.209	1.020.677.838
III. Bất động sản đầu tư		240		-	-
<i>Nguyên giá</i>		241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		250		127.288.113.593	216.628.093.548
1. Đầu tư vào công ty con		251	V.16	30.075.593.886	21.196.593.886
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		252	V.17	28.017.490.000	43.676.310.000
3. Đầu tư dài hạn khác		258	V.18	84.865.178.187	160.965.178.187
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		259	V.19	(15.670.148.480)	(9.209.988.525)
V. Tài sản dài hạn khác		260		10.683.425.526	3.363.796.326
1. Chi phí trả trước dài hạn		261	V.20	7.724.265.709	3.363.796.326
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		262	V.29	2.959.159.817	-
3. Tài sản dài hạn khác		268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		1.118.981.772.623	911.092.484.564
NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		308.808.864.990	246.092.633.095
I. Nợ ngắn hạn		310		234.723.555.475	211.385.735.860
1. Vay và nợ ngắn hạn		311	V.21	7.942.000.000	32.332.833.572
2. Phải trả người bán		312	V.22	76.456.190.215	57.904.529.305
3. Người mua trả tiền trước		313	V.23	1.973.900.128	13.649.184.998
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	V.24	52.210.802.213	53.399.318.548
5. Phải trả người lao động		315		20.865.711.277	8.099.342.929
6. Chi phí phải trả		316	V.25	2.567.544.444	1.913.840.778
7. Phải trả nội bộ		317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	V.26	31.255.147.151	17.034.866.801
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		323		41.452.260.047	27.051.818.929

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
II. Nợ dài hạn	330		74.085.309.515	34.706.897.235
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.27	-	578.632.133
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.28	12.873.652.941	12.873.652.941
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.29	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.30	12.504.758.326	380.556.233
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		48.706.898.248	20.874.055.928
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		810.172.907.633	664.999.851.469
I. Vốn chủ sở hữu	410		809.157.973.154	664.176.971.638
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.31	300.000.000.000	300.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.31	122.946.411.784	114.994.917.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.31	-	(9.703.995.196)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		64.793.446	(280.763.897)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.31	125.345.033.179	109.878.776.561
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.31	26.681.032.198	18.947.903.889
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.31	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.31	234.120.702.547	130.340.133.281
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.014.934.479	822.879.831
1. Nguồn kinh phí	432	V.33	421.576.114	84.776.114
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433	V.34	593.358.365	738.103.717
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.118.981.772.623	911.092.484.564

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	V.35	19.052.857.144	103.742.647.619
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	V.36	611.011.034	548.144.663
5. Ngoại tệ các loại:		-	-
Dollar Mỹ (USD)		33.274,07	78.032,47
Euro (EUR)		-	-
...		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu



Đỗ Thị Thanh Hà

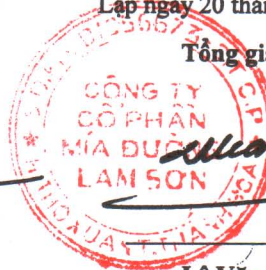
Kế toán trưởng



Lê Thị Huệ

Lập ngày 20 tháng 10 năm 2010

Tổng giám đốc



Lê Văn Thanh

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

9 tháng đầu năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Quý III		Đơn vị tính: VND Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	245.982.901.297	124.207.253.716	785.642.994.319	603.648.771.361
2. Các khoản giảm trừ D. Thu	02	VI.1	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	245.982.901.297	124.207.253.716	785.642.994.319	603.648.771.361
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	139.620.182.780	75.404.422.553	456.580.386.273	432.470.391.969
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		106.362.718.517	48.802.831.163	329.062.608.046	171.178.379.392
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8.281.850.781	7.611.145.276	33.601.960.912	17.248.572.331
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	11.089.201.860	2.657.857.885	21.327.079.330	10.527.366.726
Trong đó: chi phí lãi vay	23		412.645.734	2.116.915.783	2.845.150.159	5.426.414.027
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	4.184.627.996	3.849.690.982	12.058.696.736	13.395.357.596
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	30.039.310.675	10.582.128.977	65.119.128.565	31.320.992.078
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		69.331.428.767	39.324.298.595	264.159.664.327	133.183.235.323
11. Thu nhập khác	31	VI.7	4.356.235.091	1.182.011.424	4.376.710.510	2.691.252.346
12. Chi phí khác	32	VI.8	5.078.668.298	576.483.370	4.988.034.162	1.647.609.777
13. Lợi nhuận khác	40		(722.433.207)	605.528.054	(611.323.652)	1.043.642.569
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		68.608.995.560	39.929.826.649	263.548.340.675	134.226.877.892
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.24	19.492.267.604	9.722.235.912	65.241.934.062	33.061.898.915
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(2.959.159.817)	3.580.956	(2.959.159.817)	(347.951.127)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		52.075.887.773	30.204.009.781	201.265.566.430	101.512.930.104
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.738	1.024	6.832	3.440

Người lập biểu

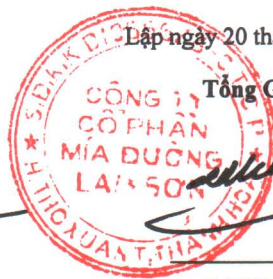
Đỗ Thị Thanh Hà

Kế toán trưởng

Lê Thị Huệ

Lập ngày 20 tháng 10 năm 2010

Tổng Giám đốc



Lê Văn Thanh

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

9 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		263.548.340.675	134.226.877.892
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		21.352.933.927	25.375.455.858
- Các khoản dự phòng	03		30.036.109.705	1.260.670.804
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	345.557.343	(61.355.061)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(24.943.688.458)	(13.551.487.438)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	2.845.150.159	5.426.414.027
- Các khoản chi trực tiếp từ lợi nhuận	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		293.184.403.351	152.676.576.082
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(143.910.217.308)	(45.063.944.965)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(35.080.197.245)	68.380.175.357
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		57.877.587.066	(27.060.875.361)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(11.314.742.627)	(3.837.711.958)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(2.696.885.931)	(5.303.423.841)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(63.075.245.099)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		10.087.995.196	627.320.341
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(9.440.809.020)	(577.082.327)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		95.631.888.383	139.841.033.328
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(10.337.419.008)	(21.379.103.197)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	446.893.742
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(46.269.704.468)	(89.895.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		53.300.000.000	28.953.789.093
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(28.860.040.000)	(6.678.840.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		103.809.920.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	33.409.237.183	10.949.565.802
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		105.051.993.707	(77.602.694.560)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

=BCDKT!A4

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.31	7.951.494.784	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		109.839.679.452	180.383.324.968
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(134.230.513.024)	(150.805.578.439)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(50.478.099.000)	(5.463.735.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(66.917.437.788)	24.114.011.529
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		133.766.444.302	86.352.350.297
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	153.714.090.879	21.442.528.973
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	15.923
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	287.480.535.181	107.794.895.193

Lập ngày 20 tháng 10 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc






Đỗ Thị Thanh Hà

Lê Thị Huệ

Lê Văn Thanh

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Công nghiệp đường, cồn, nha, nước uống có cồn và không có cồn; Chế biến các sản phẩm sau đường, nông, lâm sản, thức ăn gia súc; Dịch vụ vận tải, cơ khí, cung ứng vật tư nguyên liệu; Sản xuất và cung ứng giống cây, con, tiêu thụ sản phẩm; Chăn nuôi bò sữa, chế biến sữa, bò thịt, chế biến các sản phẩm cao su, giấy bao bì carton, kinh doanh thương mại, khách sạn ăn uống; Xuất nhập khẩu các sản phẩm trên và tài sản cố định, máy móc, thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế phục vụ cho sản xuất kinh doanh; Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; Sản xuất kinh doanh CO₂ (khí, lỏng, rắn); Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp, công nghiệp; Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt; Dịch vụ sửa chữa và gia công máy móc, thiết bị; Dịch vụ làm đất nông, lâm nghiệp.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2010.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên phần mềm máy tính (Hệ thống quản trị doanh nghiệp ERP- Oracle E-Business Suite).

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc và thiết bị	04 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 10

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời hạn sử dụng đất.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 05 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê đất, thuê kho trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là $\frac{1}{2}$ tháng lương cho mỗi năm công tác tại công ty. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Trích lập Quỹ Khoa học và Phát triển công nghệ:

Trong kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/09/2010, Công ty thực hiện trích lập quỹ khoa học và phát triển công nghệ với tỷ lệ 10% thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và phản ánh số trích lập trên chỉ tiêu “Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ”

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm 31/12/2009:	17.941 VND/USD
30/09/2010:	19.500 VND/USD

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối năm.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	14.897.711	118.318.130
Tiền gửi ngân hàng	19.465.637.470	5.595.772.749
Các khoản tương đương tiền	268.000.000.000	148.000.000.000
Cộng	287.480.535.181	153.714.090.879

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn		108.269.350.688		113.718.310.688
- Cổ phiếu		107.769.350.688		103.718.310.688
+ Ngân hàng TMCT Sài Gòn				
Thương Tín HCM (STB)	1.010.520	33.966.705.956	842.100	31.945.665.956
+ Quỹ đầu tư Chứng khoán				
Việt Nam (VFMVF1)	84.790	2.685.074.732	84.790	2.685.074.732
+ Công ty CP Bảo Việt (BVH)	250.000	17.682.070.000	250.000	17.682.070.000
+ Ngân hàng ngoại thương Việt				
Nam (VCB)	200.000	21.260.000.000	200.000	21.260.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
+ Quỹ đầu tư doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam (VFMVF4)	2.970.000	30.145.500.000	2.970.000	30.145.500.000
+ Quỹ đầu tư năng động Việt Nam (VFMVFA)	200.000	2.030.000.000	-	-
- Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu		500.000.000		10.000.000.000
+ Kỳ phiếu Ngân hàng Sacombank CN Thanh Hóa		-		10.000.000.000
+ Trái phiếu Chính phủ		500.000.000		-
Đầu tư ngắn hạn khác		65.176.574.818		58.906.870.350
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống		-		40.000.000.000
- Cho vay ngắn hạn		65.176.574.818		18.906.870.350
+ Công ty CP phân bón Lam Sơn		54.600.000.000		10.000.000.000
+ Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển		10.576.574.818		8.906.870.350
Cộng		173.445.925.506		172.625.181.038

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(49.474.455.688)	(38.176.598.688)

Ghi chú: Biến động giữa số cuối kỳ so với số đầu năm do trích lập dự phòng do đánh giá lại cổ phiếu niêm yết tại thời điểm 30/09/2010.

4. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cơ khí - Chi nhánh Bắc Hà	-	104.430.000
Công ty TNHH nước giải khát CocaCola Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	9.592.000.000	-
Công ty TNHH Bảo Đức	8.576.550.000	-
Công ty TNHH Thương mại ĐT&DL Lam Sơn	24.741.700.000	-
Công ty CP SXTM Thành Thành Công	-	3.937.500.000
Công ty TNHH Pesico Việt Nam - CN Hà Nội	14.098.500.000	3.300.000.000
Công ty CP thực phẩm Lam Sơn	6.526.000.000	3.924.761.429
Lương Thị Bắc	-	2.488.000.000
Châu Kim Yến	-	5.625.000.000
Các khách hàng khác	3.885.409.662	2.010.433.391
Cộng	67.420.159.662	21.390.124.820

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Trả trước cho người bán**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ứng trước cho người trồng mía	131.006.088.765	49.602.782.384
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	14.884.166.737	15.980.133.111
Nông trường Lam Sơn	6.492.651.600	3.424.927.558
Nông trường Sông Âm	5.140.062.283	682.289.811
Nông trường Thống Nhất	10.048.250.000	6.884.047.076
Công ty CP cơ giới NN Lam Sơn	-	2.394.650.328
Công ty TNHH Tân An	1.247.954.000	1.064.000.000
Đoàn khảo sát thiết kế quy hoạch nông nghiệp	-	75.000.000
Công ty CP ĐT XD và kết cấu không gian CEF	16.500.000.000	15.500.000.000
Cơ sở sản xuất đồ gỗ Trịnh Văn Quang	1.780.000.000	-
Công ty TNHH SX và thương mại Phú Bình	1.809.000.000	-
Công ty CP công trình giao thông Toàn Thắng	2.347.750.000	-
Công ty TNHH TM&KT Nguyễn Liêu	1.266.919.170	-
Công ty CP du lịch và thương mại Thanh Xuân	1.229.782.400	-
Các khách hàng khác	6.046.218.466	3.047.212.422
Cộng	199.798.843.421	98.655.042.690

6. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khoản cho vay:	3.980.800.000	12.134.581.400
<i>Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn</i>	<i>1.800.000.000</i>	<i>1.800.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Lam Sơn</i>	<i>2.180.800.000</i>	<i>2.180.800.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn</i>	-	8.153.781.400
Phải thu CB CNV trả nợ tiền vay Ngân hàng		
Công thương Thanh Hóa (Công ty bảo lãnh)	182.081.212	228.599.612
Dự thu lãi tiền gửi NH có kỳ hạn	996.877.778	3.016.285.556
Dự thu lãi vay - Công ty CP ĐT TM Lam Sơn	1.536.133.273	976.830.573
Dự thu lãi vay - Công ty CP Phân bón Lam Sơn	3.583.200.000	33.333.333
Dự thu lãi vay - Công ty CP giấy Lam Sơn	1.610.530.480	1.000.369.800
Phải thu Công ty CP rượu VN - Thụy Điển	1.065.846.419	179.683.579
Cổ tức LN được chia năm 2008 (Lam Thành)	-	1.377.095.593
Cổ tức LN được chia năm 2009 (MĐ Sơn La)	-	750.000.000
Các khoản phải thu khác	3.044.721.482	248.756.527
Cộng	16.000.190.644	19.945.535.973

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(260.289.990)	(106.399.333)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	13.975.037.023	21.527.440.484
Công cụ, dụng cụ	1.694.902.322	981.068.951
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.641.874.233	9.685.749.450
Thành phẩm	89.408.547.479	40.103.041.368
Hàng hóa	414.295.345	757.158.904
Cộng	108.134.656.402	73.054.459.157

9. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	-	-
Cộng	-	-

10. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào CP SXKD trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Chi phí kiểm tu	12.126.090.175	4.438.180.676	12.126.090.175		4.438.180.676
Công cụ dụng cụ	-	85.123.706			85.123.706
Chi phí điện lưới	-	3.641.077.859	3.026.258.871		614.818.988
Bảo hộ LĐ	-	16.630.453			16.630.453
Chi phí vận chuyển nước thải, mật rỉ	-	65.580.973			65.580.973
Chi phí chênh lệch giá ngọn giống mía	473.327.929		473.327.929		
Chi phí khác	1.833.161.709	23.494.474.460	9.161.117.908		16.166.518.261
Cộng	14.432.579.813	31.741.068.127	24.786.794.883		21.386.853.057

11. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	1.454.504.449	771.124.295
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	185.580.000	803.667.992
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
Cộng	1.640.084.449	1.574.792.287

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Phải thu dài hạn khác:**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ứng trước cho người bán	-	-
Các khoản phải thu dài hạn khác:	17.278.813.249	13.369.627.502
- <i>Nông trường Thống Nhất (DA tưới nước)</i>	2.267.099.939	1.696.500.000
- <i>Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng (DA tưới nước)</i>	8.471.125.764	7.057.896.963
- <i>Nông trường Sông Âm (DA tưới nước)</i>	1.448.565.771	1.321.500.000
- <i>Phải thu dài hạn khác</i>	5.092.021.775	3.293.730.539
Cộng	<u>17.278.813.249</u>	<u>13.369.627.502</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Số đầu năm	177.164.623.102	748.663.615.741	54.227.319.280	21.144.525.253	-	1.001.200.083.376
Tăng trong kỳ						
Mua sắm mới	2.128.922.819	1.670.111.000		237.466.818		4.036.500.637
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành						
Giảm trong kỳ						
Thanh lý, nhượng bán và góp vốn	(1.980.498.122)	(5.679.901.448)	(1.046.600.000)	(28.400.000)		(8.735.399.570)
Chuyển thành CCDC						
Giảm khác (ĐC giá trị tài sản)						
Phân loại lại						
Số cuối kỳ	177.313.047.799	744.653.825.293	53.180.719.280	21.353.592.071		996.501.184.443
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	130.423.314.052	654.835.093.328	41.950.800.812	17.190.519.266	-	844.399.727.458
Tăng trong kỳ						
Khấu hao trong kỳ	7.485.846.713	14.218.600.717	2.061.624.502	1.028.864.414		24.794.936.346
Khấu hao TSCĐ phúc lợi	13.463.100					13.463.100
Phân loại lại						
Giảm trong kỳ						
Thanh lý, nhượng bán và góp vốn	(910.087.554)	(2.479.449.375)	(463.834.091)	(12.586.364)		(3.865.957.384)
Chuyển thành CCDC						
Phân loại lại						
Số cuối kỳ	137.012.536.311	666.574.244.670	43.548.591.223	18.206.797.316		865.342.169.520
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	46.741.309.050	93.828.522.413	12.276.518.468	3.954.005.987	-	156.800.355.918
Số cuối kỳ	40.300.511.488	78.079.580.623	9.632.128.057	3.146.794.755		131.159.014.923

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Giá trị lợi thế doanh nghiệp	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	745.878.600	5.691.471.321	-	6.437.349.921
Tăng trong kỳ do mua sắm Hoàn thành từ XDCB				
Giảm trong kỳ		(245.000.000)		(245.000.000)
Số cuối kỳ	745.878.600	5.446.471.321		6.192.349.921
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	74.587.865	3.561.637.260	-	3.636.225.125
Tăng trong kỳ do khấu hao	27.970.452	785.729.865		813.700.317
Giảm trong kỳ		(245.000.000)		(245.000.000)
Số cuối kỳ	102.558.317	4.102.367.125		4.204.925.442
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	671.290.735	2.129.834.061	-	2.801.124.796
Số cuối kỳ	643.320.283	1.344.104.196		1.987.424.479

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí tăng trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Giảm khác trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	-				
Công trình NVH thể thao	759.176.155	2.820.082.909			3.579.259.064
Công trình Kho đường số 5	27.300.000				27.300.000
Dự án 02 bể mật ri 6.000m3	11.208.000				11.208.000
Dự án khách sạn Lam Sơn		205.480.000			205.480.000
Dự án dịch hèm cô đặc		130.154.400			130.154.400
Dự án nâng cấp NMĐ2		289.800.000			289.800.000
Ban sáng lập Trường CĐN Lam Kinh	222.993.683	236.283.089			459.276.772
Dự án trung tâm thương mại 25A		82.727.273			82.727.273
Dự án làm mới lại cây mía hạt đường Lam Sơn		227.272.700			227.272.700
Cộng	1.020.677.838	3.991.800.371	-	-	5.012.478.209

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Đầu tư vào công ty con**

Tên công ty con	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn đầu tư tại 30/06/2010	
	Theo giấy phép	Thực góp	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	58,06%	58,06%	900.000	9.000.000.000
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	90,98%	90,98%		18.196.593.886
Công ty Cổ phần Cơ giới Nông nghiệp Lam Sơn	64,78%	64,78%	287.900	2.879.000.000
Cộng				30.075.593.886

17. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn đầu tư tại 30/06/2010	
	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ biểu quyết	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hoá	35,26%	35,26%	42.308	4.991.090.000
Công ty CP Đầu tư Thương mại Lam Sơn	28,57%	28,57%	1.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển	32,50%	32,50%	975.000	9.750.000.000
Công ty CP giấy Lam Sơn	32,04%	42,18%	32.764	3.276.400.000
Cộng				28.017.490.000

18. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Đầu tư trái phiếu		-		500.000.000
+ Trái phiếu Chính phủ		-		500.000.000
- Cho vay dài hạn		18.273.178.187		21.573.178.187
+ Công ty CP Giấy Lam Sơn		6.618.400.000		7.418.400.000
+ Công ty CP CG NN Lam Sơn		554.778.187		554.778.187
+ Công ty CP vận tải Lam Sơn		4.500.000.000		7.000.000.000
+ Công ty CP ĐTTM Lam Sơn		6.600.000.000		6.600.000.000
- Đầu tư dài hạn khác		66.592.000.000		138.892.000.000
+ Công ty CP Vận tải Lam Sơn (19% VDL)	19.000	1.900.000.000	19.000	1.900.000.000
+ Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	-	-	2.400.000	72.000.000.000
+ BSL Trường Đại học Lam Kinh		-		300.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
+ Công ty CP Mía đường Sơn La (15% VDL)	750.000	11.250.000.000	750.000	11.250.000.000
+ Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông (6,71% VDL)	2.314.000	23.142.000.000	2.314.000	23.142.000.000
+ Chứng chỉ Quỹ Đầu tư Chứng khoán con Hồ Việt Nam (6% VDL)	3.000.000	30.300.000.000	3.000.000	30.300.000.000
Cộng		84.865.178.187		160.965.178.187

19. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán dài hạn	(13.668.391.763)	(8.289.105.851)
Dự phòng khoản lỗ của công ty liên kết	(2.001.756.717)	(920.882.674)
Cộng	(15.670.148.480)	(9.209.988.525)

20. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	KC vào chi phí SXKD trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Chi phí thuê đất	1.688.151.546		41.320.350		1.646.831.196
Khu đất phía Nam	351.499.988		7.125.003		344.374.985
Khu đất liền kề VP Công ty	259.956.388		5.137.353		254.819.035
Khu đất phía Bắc	582.414.600		11.495.025		570.919.575
Khu đất đầu thầu của UBND Thị trấn Lam Sơn	292.000.012		5.474.997		286.525.015
Khu đất Lâm nghiệp Xóm 1 - Xuân Bái	181.080.008		7.544.997		173.535.011
Khu đất thầu trồng cây quanh Hồ sử lý	21.200.550		4.542.975		16.657.575
Chi phí thuê nhà ĐTTM LS	388.620.000		205.740.000		182.880.000
ĐA tưới nước ngầm Netafim	906.077.748	5.927.067.016	192.695.932	1.124.680.000	5.515.768.832
Chi phí Website công ty	54.093.750	132.000.000	81.593.750		104.500.000
Chi phí quy hoạch vùng nguyên liệu	326.853.282		52.567.601		274.285.681
Cộng	3.363.796.326	6.059.067.016	573.917.633	1.124.680.000	7.724.265.709

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**21. Vay và nợ ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn đến hạn trả	6.942.000.000	31.327.333.572
Vay ngân hàng, tổ chức tín dụng	-	-
Vay ngắn hạn cán bộ nhân viên Công ty, khác	1.000.000.000	1.005.500.000
Cộng	7.942.000.000	32.332.833.572

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số PS giảm khác trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn NH	-			
Vay dài hạn NH đến hạn trả	31.327.333.572	24.146.319.939	239.013.633	6.942.000.000
Vay ngắn hạn các ĐT khác	1.005.500.000	5.500.000		1.000.000.000
Cộng	32.332.833.572	24.151.819.939	239.013.633	7.942.000.000

22. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả tại XNNL	74.029.584.376	48.427.030.563
Phải trả người trồng mía	28.851.276	43.718.158.475
Công ty CP phân bón Lam Sơn	74.000.733.100	1.369.740.459
Công ty CP vận tải Lam Sơn	-	3.339.131.629
Phải trả tại VPCT	2.426.605.839	9.477.498.742
Công ty Thương mại Thanh Trang	-	1.656.831.094
Công ty TNHH Tân An	201.136.200	124.378.846
Công ty Hùng Vương	-	385.150.000
Công ty Cổ phần Vận tải Lam Sơn	43.607.866	43.607.866
Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	2.073.000	-
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	13.000.000	265.000.000
Công ty CP cơ khí xây dựng số 2 Hà Bắc	-	544.596.994
Công ty TNHH Toàn Phú Quý	-	41.123.060
Advance Syndicate	-	397.252.303
Các nhà cung cấp khác	2.166.788.773	6.019.558.579
Cộng	76.456.190.215	57.904.529.305

23. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty thực phẩm miền Bắc	-	257.400.000
Công ty CP đầu tư thương mại Lam Sơn	-	294.000.000
Công ty TNHH TM Tây Bắc	1.578.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH 1TV Vilitas Thái Bình	-	12.567.220.000
Công ty TNHH rượu vang và rượu mạnh La Martiniquaise VN	-	375.534.998
Các khách hàng khác	395.900.128	155.030.000
Cộng	1.973.900.128	13.649.184.998

24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	6.620.050.181	36.278.025.008	39.603.744.184		3.294.331.005
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	21.789.695	379.001.000	400.790.695		-
Thuế xuất, nhập khẩu	30.054.752		30.054.752		
Thuế TNDN	46.727.292.527	65.238.887.071	63.072.198.109		48.893.981.489
Thuế nộp thay nhà thầu NN	-				
Thuế TNCN	131.393	31.489.719	9.000.000	131.393	22.489.719
Tiền thuê đất	-	446.709.300	446.709.300		
Thuế khác	-				
Cộng	53.399.318.548	102.374.112.098	103.562.497.040	131.393	52.210.802.213

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất như sau:

Ngọn mía giống	Không chịu thuế
Đường, mật rỉ,	5%
Cồn	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.14.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong Quý III - 2010:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	68.608.995.560	39.929.826.649
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	11.905.758.970	-
+ Chi phí khấu hao TSCĐ	69.119.703	
+ Chênh lệch do trích lập quỹ trợ cấp MVL	11.836.639.267	

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản điều chỉnh giảm	545.000.000	(1.040.883.000)
+ <i>Cổ tức, LN được chia</i>	545.000.000	(1.040.883.000)
+ <i>Lãi bán cổ phiếu đã nộp thuế TNDN</i>	-	-
+ <i>Cổ tức không có người nhận</i>	-	-
+ <i>Lãi CL tỷ giá hối đoái chưa thực hiện</i>	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	79.969.754.530	38.888.943.649
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	19.992.438.633	9.722.235.912
Thuế TNDN được giảm do ưu đãi đầu tư	(500.171.029)	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	19.492.267.604	9.722.235.912

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

25. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	148.264.228	66.583.425
Chi phí vận chuyển vật tư, hàng hoá	218.532.182	447.333.333
Chi phí sử dụng điện, hơi, nước phải trả	-	144.387.270
Chi phí thuê ủi bãi	-	56.436.554
Chi phí triển khai dự án chuyển đổi cơ cấu giống	1.000.000.000	-
Chi phí hợp đồng bảo vệ vụ ép	327.977.481	525.125.397
Chi phí kiểm toán BCTC	-	498.933.000
Chi phí dịch vụ phải trả khác	872.770.553	175.041.799
Cộng	2.567.544.444	1.913.840.778

26. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội	760.439.526	618.563.959
Kinh phí công đoàn	980.108.007	303.169.834
Cổ tức phải trả	150.033.000	472.680.334
Phải trả cho người lao động về nghỉ dưỡng sức	88.840.000	96.570.000
Phải trả CNV về ốm đau, thai sản	59.475.092	32.068.867
Các Quỹ ủng hộ nhân viên đóng góp	14.857.969.073	15.357.969.073
Hoàn ứng	115.506.077	125.765.956
Tiền mua cổ phiếu phát hành năm 2010	13.635.000.000	-
Tiền thưởng vượt KH lợi nhuận năm 2009 (theo Nghị quyết HĐQT)	580.656.618	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khoản phải trả khác	27.119.758	28.078.778
Cộng	31.255.147.151	17.034.866.801
27. Phải trả dài hạn khác		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả Nhà nước tiền mua cổ phiếu hộ nghèo	-	578.632.133
28. Vay và nợ dài hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng		
Vay VND Ngân hàng Phát triển Thanh Hoá	12.873.652.941	12.873.652.941
Đầu tư cho dự án Nhà máy cồn xuất khẩu với lãi suất 5,4%/năm, thời hạn vay 7 năm.	12.000.737.556	12.000.737.556
Đầu tư cho dự án NM sữa với lãi suất 5,4%/năm, thời hạn vay 7 năm.	872.915.385	872.915.385
Cộng	12.873.652.941	12.873.652.941
29. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
<i>Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh liên quan đến khoản chênh lệch giữa chi phí tính thuế và chi phí kế toán khi trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm như sau:</i>		
Số đầu năm		-
Phát sinh trong kỳ		2.959.159.817
Hoàn nhập trong kỳ		-
Số cuối kỳ		2.959.159.817
Thuế TNDN hoãn lại:		
Số đầu năm		-
Phát sinh trong kỳ		-
Hoàn nhập trong kỳ		-
Số cuối kỳ		-
30. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		
Số đầu năm		380.556.233
Số trích lập trong kỳ		12.367.488.313
Số chi trong kỳ		(243.286.220)
Số cuối kỳ		12.504.758.326

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

31. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi sau thuế chưa phân phối
Số đầu năm trước	300.000.000.000	114.994.917.000	(9.703.995.196)	-	104.270.219.947	16.143.625.582	14.473.825.323
Lợi nhuận trong năm trước							154.535.987.972
Trích lập các quỹ					5.608.556.614	2.804.278.307	(14.021.391.535)
Chia cổ tức năm trước							(23.607.576.000)
Bổ sung từ thuế TNDN được ưu đãi							(1.040.712.479)
Các khoản khác							
Số dư cuối năm trước	300.000.000.000	114.994.917.000	(9.703.995.196)	(280.763.897)	109.878.776.561	18.947.903.889	130.340.133.281
Số dư đầu năm nay	300.000.000.000	114.994.917.000	(9.703.995.196)	(280.763.897)	109.878.776.561	18.947.903.889	130.340.133.281
LN các năm trước							
Lợi nhuận trong kỳ							202.959.653.581
Trích lập các quỹ					15.466.256.618	7.733.128.309	(38.665.641.545)
Chia cổ tức năm nay							(50.478.099.000)
Thuế TNDN miễn							(1.694.087.152)
Các khoản khác		7.951.494.784	9.703.995.196	345.557.343			(8.341.256.618)
Số dư cuối kỳ	300.000.000.000	122.946.411.784	-	64.793.446	125.345.033.179	26.681.032.198	234.120.702.547

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	263.575.100.000	263.575.100.000
Vốn đầu tư của Nhà nước	36.424.900.000	36.424.900.000
Thặng dư vốn cổ phần	122.946.411.784	114.994.917.000
Cổ phiếu quỹ	-	(9.703.995.196)
Cộng	422.946.411.784	405.290.921.804

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong kỳ như sau:

Cổ tức năm trước	5.429.950.000
Cổ tức năm nay	50.418.491.000
Trong đó:	
- Trả bằng tiền	50.418.491.000
- Trả bằng cổ phiếu	-
Cộng	55.848.441.000

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	490.530
- Cổ phiếu phổ thông	-	490.530
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000	29.509.470
- Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	29.509.470

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Mệnh giá cổ phiếu năm trước 10.000 VND.

Mục đích trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu:

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh và đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

32. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng quỹ trong kỳ	Chi quỹ trong kỳ	Giảm khác	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	15.092.504.564	7.733.128.309	69.452.000		22.756.180.873
Quỹ phúc lợi	11.959.314.365	7.733.128.309	982.900.400	13.463.100	18.696.079.174
Cộng	27.051.818.929	15.466.256.618	1.052.352.400	13.463.100	41.452.260.047

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**33. Nguồn kinh phí**

Số đầu năm	84.776.114
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	384.000.000
Chi sự nghiệp	(47.200.000)
Giảm khác	
Kết chuyển vào TN khác	
Số cuối kỳ	421.576.114

34. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

Số đầu năm	738.103.717
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	
Khấu hao trong kỳ	(144.745.352)
Số cuối kỳ	593.358.365

35. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công

Số đầu năm	103.742.647.619
Tăng trong kỳ	127.530.103.898
Giảm trong kỳ	(212.219.894.373)
Số cuối kỳ	19.052.857.144

36. Nợ khó đòi đã xử lý

Số đầu năm	548.144.663
Nợ khó đòi đã xử lý trong kỳ	62.866.371
Nợ khó đòi đã được thu hồi được trong kỳ	-
Số cuối kỳ	611.011.034

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2010****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

	Quý III Năm nay	Quý III Năm trước	Lũy kế từ đầu năm nay	Lũy kế từ đầu năm trước
Tổng doanh thu	245.982.901.297	124.207.253.716	785.642.994.319	603.648.771.361
- Doanh thu bán hàng hóa	3.436.546.022	1.008.742.349	5.378.145.621	10.637.192.272
- Doanh thu bán thành phẩm	242.097.693.199	122.590.473.508	778.560.458.810	591.269.786.067
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	448.662.076	608.037.859	1.405.116.797	1.741.793.022
- Doanh thu khác	-	-	299.273.091	-
Doanh thu thuần	245.982.901.297	124.207.253.716	785.642.994.319	603.648.771.361
- Doanh thu bán hàng hóa	3.436.546.022	1.008.742.349	5.378.145.621	10.637.192.272
- Doanh thu bán thành phẩm	242.097.693.199	122.590.473.508	778.560.458.810	591.269.786.067
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	448.662.076	608.037.859	1.405.116.797	1.741.793.022
- Doanh thu khác	-	-	299.273.091	-

2. Giá vốn hàng bán

	Quý III Năm nay	Quý III Năm trước	Lũy kế từ đầu năm nay	Lũy kế từ đầu năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	3.228.525.192	1.008.742.349	5.203.306.609	8.978.620.844
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	135.336.892.180	73.140.424.761	449.532.341.587	420.185.520.501
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.054.765.408	1.255.255.443	1.844.738.077	3.306.250.624
Cộng	139.620.182.780	75.404.422.553	456.580.386.273	432.470.391.969

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý III Năm nay	Quý III Năm trước	Lũy kế từ đầu năm nay	Lũy kế từ đầu năm trước
Lãi tiền gửi	5.025.521.526	4.743.134.449	11.152.784.095	8.244.925.122
Lãi tiền cho vay	3.033.856.003	1.055.598.987	6.203.001.481	2.966.507.499
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	-	-	129.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	545.000.000	1.040.883.000	6.199.063.000	1.785.306.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-	399.632	103.966.054
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	23.552.729	-	125.552.738
Lãi thanh lý công ty liên kết	-	-	4.574.976.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Quý III Năm nay	Quý III Năm trước	Lũy kế từ đầu năm nay	Lũy kế từ đầu năm trước
Lãi thanh lý các khoản DT ngắn hạn khác		492.450.000		492.450.000
Lãi thanh lý các khoản DT dài hạn khác	-		1.248.000.000	-
Thu nhập từ các khoản khác	(322.526.748)	255.526.111	4.223.736.704	717.247.402
Hoàn nhập DP tài chính	-		-	2.683.617.516
Cộng	8.281.850.781	7.611.145.276	33.601.960.912	17.248.572.331

4. Chi phí tài chính

	Quý III Năm nay	Quý III Năm trước	Lũy kế từ đầu năm nay	Lũy kế từ đầu năm trước
Chi phí lãi vay	412.645.734	2.116.915.783	2.845.150.159	5.426.414.027
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	32.960.257	44.610.326	42.610.993
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	(9.106.741)	315.443.170	679.301.890	618.575.500
Lỗ t lý các khoản đầu tư ngắn hạn khác		981.417.676		981.417.676
DP giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	10.685.662.867	(788.879.001)	17.758.016.955	3.458.348.530
Cộng	11.089.201.860	2.657.857.885	21.327.079.330	10.527.366.726

5. Chi phí bán hàng

	Quý III Năm nay	Quý III Năm trước	Lũy kế từ đầu năm nay	Lũy kế từ đầu năm trước
Chi phí nhân viên	2.118.941.504	1.651.963.638	5.161.124.999	4.310.193.203
Chi phí vật liệu, bao bì	-	103.098.389	11.120.000	123.749.955
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	7.986.000	33.358.624	359.181.495	92.521.159
Chi phí khấu hao TSCĐ	314.363.751	337.073.622	926.696.054	1.007.505.190
Chi phí dịch vụ mua ngoài	992.107.762	1.427.334.991	4.005.163.326	6.855.527.058
Chi phí bằng tiền khác	751.228.979	296.861.718	1.595.410.862	1.005.861.031
Cộng	4.184.627.996	3.849.690.982	12.058.696.736	13.395.357.596

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý III Năm nay	Quý III Năm trước	Lũy kế từ đầu năm nay	Lũy kế từ đầu năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	4.348.466.919	2.615.399.170	10.597.191.190	6.977.231.623
Chi phí vật liệu quản lý	314.321.246	13.159.848	436.891.838	86.165.062
Chi phí đồ dùng văn phòng	243.141.493	448.594.607	615.155.771	705.099.314
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.157.773.092	1.135.053.165	3.449.574.274	3.243.217.333
Thuế, phí và lệ phí	13.773.450	47.775.905	464.029.650	381.125.520

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Quý III Năm nay	Quý III Năm trước	Lũy kế từ đầu năm nay	Lũy kế từ đầu năm trước
Chi phí dự phòng	12.031.569.450	173.663.532	12.031.569.450	489.885.862
Chi phí dịch vụ mua ngoài	921.806.448	873.850.170	3.576.688.266	2.027.271.192
Quỹ đầu tư phát triển KH	8.885.528.281	4.436.647.406	29.815.349.372	14.828.597.629
Chi phí bằng tiền khác	2.122.930.296	837.985.174	4.132.678.754	2.582.398.543
Cộng	30.039.310.675	10.582.128.977	65.119.128.565	31.320.992.078

7. Thu nhập khác

	Quý III Năm nay	Quý III Năm trước	Lũy kế từ đầu năm nay	Lũy kế từ đầu năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	3.557.321.428	110.666.667	3.557.321.428	1.158.285.714
Thu từ bán vật tư, phế liệu	6.072.727	1.055.086.364	23.354.545	1.064.695.455
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	-	-	146.965.322
Các khoản nợ không xác định được chủ			-	1.220.000
Thu từ hoạt động của sản phẩm giao dịch	792.839.121		792.839.121	
Các khoản khác	1.815	16.258.393	3.195.416	320.085.855
Cộng	4.356.235.091	1.182.011.424	4.376.710.510	2.691.252.346

8. Chi phí khác

	Quý III Năm nay	Quý III Năm trước	Lũy kế từ đầu năm nay	Lũy kế từ đầu năm trước
Giá trị còn lại TSCĐ nhượng bán, t lý	4.784.195.738	723.772.925	4.817.143.931	1.449.784.299
CP thanh lý vật tư, phế liệu		-		-
Thuế bị phạt, bị truy thu		-		-
Chi cho hoạt động của sản phẩm giao dịch chứng khoán	294.453.079		294.453.079	
Các khoản khác	19.481	(147.289.555)	(123.562.848)	197.825.478
Cộng	5.078.668.298	576.483.370	4.988.034.162	1.647.609.777

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Quý III Năm nay	Quý III Năm trước	Lũy kế từ đầu năm nay	Lũy kế từ đầu năm trước
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(2.959.159.817)	3.580.956	(2.959.159.817)	(347.951.127)
Cộng	(2.959.159.817)	3.580.956	(2.959.159.817)	(347.951.127)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu:**

	Năm nay
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	52.075.887.773
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	29.965.068
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.738

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Năm nay
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu năm	29.509.470
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	29.458.188

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty 9 tháng đầu năm 2010:**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính		
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		30/09/2010	31/12/2009
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	73,78	56,76
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	26,22	43,24
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	27,60	27,01
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	72,40	72,99
Khả năng thanh toán		30/09/2010	31/12/2009
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	3,62	3,70
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	3,52	2,45
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,22	0,73
Tỷ suất sinh lời:		9 tháng đầu năm 2010	9 tháng đầu năm 2009
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	%	32,00	21,52
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	%	24,44	16,28
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	33,55	22,24

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính		
cung cấp hàng hóa, dịch vụ			
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần cung cấp hàng hóa, dịch vụ	%	25,62	16,82
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	23,55	14,73
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	17,99	11,14
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	24,87	15,28

Người lập biểu



Đỗ Thị Thanh Hà

Kế toán trưởng



Lê Thị Huệ

Lập ngày 20 tháng 10 năm 2010

Tổng giám đốc



Lê Văn Thanh

